**Quản lý danh mục:**



**UC44: Khóa thông tin trong danh mục**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC44 | | |
| Use Case Name: | Khóa thông tin trong danh mục | | |
| Created By: | Đoàn Thành Nghiêm | Last Updated By: | Đoàn Thành Nghiêm |
| Date Created: | 5/11/2011 | Date Lasted Updated: | 5/11/2011 |
|  | | | |
| Actors: | Người quản lí danh mục | | |
| Description: | Cho phép người dùng khóa các thông tin trong danh mục trong hệ thống | | |
| Preconditions: | Danh sách các thông tin của danh mục cần khóa | | |
| Postconditions: | Khóa thông tin danh mục trong hệ thống | | |
| Normal Flow: | 1.Nhấn vào chức năng khóa thông tin danh mục  2.hệ thống sẽ đưa ra danh sách các thông tin của danh mục có trong hệ thống.  3.Xác đinh thông tin trong danh mục bị khóa và hoàn tất.  4.Hệ thống sẽ lưu giữ lại thông tin trong cơ sở dữ liệu | | |
| Alternative Flows: | 1.1)Nhấn thoát nếu không muốn tiếp tục chức năng | | |
| Exceptions: | Hệ thống sẽ báo lỗi nếu thông tin của danh mục đã bị khóa trước đây | | |
| Includes: | Không | | |
| Priority: | 5 | | |
| Frequency of Use: | Ít sử dụng | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |

**UC45: Mở khóa thông tin trong danh mục**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC45 | | |
| Use Case Name: | Mở khóa thông tin danh mục | | |
| Created By: | Đoàn Thành Nghiêm | Last Updated By: | Đoàn Thành Nghiêm |
| Date Created: | 5/11/2011 | Date Lasted Updated: | 5/11/2011 |
|  | | | |
| Actors: | Người quản lí danh mục | | |
| Description: | Cho phép người dùng mở khóa các thông tin trong danh mục bị khóa trong hệ thống | | |
| Preconditions: | Danh sách các thông tin trong danh mục cần mở khóa | | |
| Postconditions: | Mở khóa thông tin danh mục trong hệ thống | | |
| Normal Flow: | 1.Nhấn vào chức năng khóa mở danh mục  2.Hệ thống sẽ đưa ra danh sách các danh mục đang bị khóa trong hệ thống.  3.Xác đinh thông tin danh mục cần mở khóa và hoàn tất.  4.Hệ thống sẽ lưu giữ lại thông tin trong cơ sở dữ liệu | | |
| Alternative Flows: | 1.1)Nhấn thoát nếu không muốn tiếp tục chức năng | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: | Không | | |
| Priority: | 5 | | |
| Frequency of Use: | Ít sử dụng | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |

**UC46:Xem danh mục**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC46 | | |
| Use Case Name: | Xem danh mục | | |
| Created By: | Đoàn Thành Nghiêm | Last Updated By: | Đoàn Thành Nghiêm |
| Date Created: | 5/11/2011 | Date Lasted Updated: | 5/11/2011 |
|  | | | |
| Actors: | Thủ kho, bộ phân kinh doanh, quản lý cửa hàng | | |
| Description: | Cho phép người dùng khóa các danh mục trong hệ thống | | |
| Preconditions: | Tên danh mục cần xem | | |
| Postconditions: | Xem danh mục có trong hệ thống | | |
| Normal Flow: | 1.Nhấn vào chức năng xem danh mục  2.Hệ thông sẽ đưa ra các danh mục co trong hệ thống  3. Xác định các danh mục cần xem  4.Hệ thống sẽ đưa thông tin về danh mục đó ra màn hình cho người dùng | | |
| Alternative Flows: | 1.1)Nhấn thoát nếu không muốn tiếp tục chức năng | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: | Không | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: | Thường sử dụng | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC41 | | |
| Use Case Name: | Tạo danh mục | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản lý danh mục | | |
| Description: | Tạo thông tin danh mục | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập 2. Danh mục chưa tồn tại | | |
| Postconditions: | Thông tin của danh mục được tạo | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn “Tạo” 2. Hệ thống hiển thị các thông tin cần nhập 3. Nhập thông tin danh mục cần khởi tạo 4. Chọn “Đồng ý “ hoàn tất 5. Hệ thống sẽ kiểm tra xem thông tin danh mục trong hệ thống trong danh mục đó 6. Hiển thị thông báo “Khởi tạo thành công” | | |
| Alternative Flows: | Alternative flow 1:   1. Chọn “Tạo ” 2. Hệ thống hiển thị các thông tin cần nhập vào 3. Nhập thông tin danh mục cần khởi tạo 4. Chọn “Hủy” để hủy và quay về trang trước đó   Alternative flow 2:   1. Chọn “Tạo” 2. Hệ thống hiển thị các thông tin cần nhập 3. Nhập thông tin danh mục cần khởi tạo 4. Chọn “Đồng ý” để hoàn tất 5. Hệ thống sẽ kiểm tra . Hiển thị thông báo “Thông tin danh mục bị trùng”. Hiển thị các thông tin bị trùng. 6. Chọn “Tiếp tục” để chỉnh sửa 7. Quay về trang trước đó | | |
| Exceptions: | Nếu thông tin danh mục bị đã tồn tại trước đó sẽ không tạo được | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC42 | | |
| Use Case Name: | Chỉnh sửa thông tin danh mục | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản lý thông tin danh mục | | |
| Description: | Thực hiện các chỉnh sửa trong thông tin danh mục | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập 2. Xác định được thông tin danh mục cần chỉnh sửa | | |
| Postconditions: | Chỉnh sửa được các thông tin trong danh mục | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn danh mục 2. Hệ thống sẽ hiển thị các danh mục hiện có 3. Chọn thông tin danh mục cần chỉnh sửa 4. Chọn “chỉnh sửa” 5. Điền thông tin mới vào mục đó 6. Chọn “Lưu lại” để hoàn tất chỉnh sửa 7. Hệ thống sẽ quay về trang thông tin danh mục | | |
| Alternative Flows: | 1. Chọn danh mục 2. Hệ thống sẽ hiển thị các thông tin danh mục hiện có 3. Chọn thông tin danh mục cần chỉnh sửa 4. Chọn “chỉnh sửa” 5. Điền thông tin mới vào mục đó 6. Chọn “Hủy” để tiếp tục chỉnh sửa thông tin danh mục đó | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Use Case ID: | UC43 | | |
| Use Case Name: | Xóa thông tin danh mục | | |
| Created By: | HaiNguyen | Last Updated By: |  |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Lasted Updated: |  |
|  | | | |
| Actors: | Người quản lý danh mục | | |
| Description: | Xóa thông tin danh mục đã tạo | | |
| Preconditions: | 1. Đã đăng nhập 2. Thông tin anh mục tồn tại | | |
| Postconditions: | Thông tin danh mục được xóa | | |
| Normal Flow: | 1. Chọn “xóa danh mục” 2. Chọn thông tin danh mục cần xóa 3. Click vào nút “xóa”. 4. Hệ thống sẽ kiểm tra sự tồn tại của thông tin danh mục trong hệ thống. Hiển thị thông báo xác nhận xóa 5. Xác nhận xóa. 6. Hệ thống thực hiện xóa thông tin trong danh mục | | |
| Alternative Flows: | 1. Chọn “xóa danh mục” 2. Chọn thông tin danh mục cần xóa 3. Click vào nút “xóa”. 4. Hệ thống sẽ kiểm tra sự tồn tại của thông tin danh mục trong hệ thống. Hiển thị thông báo “Không tìm thấy danh mục trong hệ thống” 5. Chọn Cancel để quay về trang trước đó hoặc chọn danh mục khác để tiếp tục thực hiện xóa | | |
|  |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: |  | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of Use: |  | | |
| Business Rules: |  | | |
| Special Requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and Issues: |  | | |